

Số: 533 /QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
cho sinh viên chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ
Thông tin và Truyền thông về việc Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban
hành Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-ĐHTM ngày 29/3/2023 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Thương mại về việc ban hành Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công
nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;
Quyết định số 1330/QĐ-ĐHTM ngày 13/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học
Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ
năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại
học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 431/QĐ-ĐHTM ngày 29/3/2023;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét công nhận đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công
nghệ thông tin họp ngày 19/3/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho 1752 sinh viên
chính quy của Trường (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo; Trưởng các Khoa/Viện
quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong
danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI
GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN CHÍNH QUY THAM DỰ ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG
SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỢT THÁNG 01/2026 ĐẠT CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐỢT THÁNG 3/2026
KHOA KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 533 /QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	SBD	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Điểm lý thuyết	Điểm thực hành				Kết quả
							Word	Excel	Power Point	TB thực hành	
1	11158	Lưu Thị Vân	Anh	25D160002	K61F1	5.7	5.5	6.5	4.0	5.3	Đạt
2	11159	Nguyễn Hoàng	Bách	25D160004	K61F1	5.0	7.5	5.0	3.5	5.3	Đạt
3	11160	Trần Quốc	Cường	25D160005	K61F1	5.3	8.0	8.0	8.0	8.0	Đạt
4	11161	Vũ Thị Thanh	Diệu	25D160006	K61F1	6.3	8.5	3.0	8.0	6.5	Đạt
5	11162	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25D160007	K61F1	6.7	8.5	7.0	8.5	8.0	Đạt
6	11163	Bùi Khương	Duy	25D160008	K61F1	7.3	8.0	5.0	9.0	7.3	Đạt
7	11165	Nguyễn Minh	Đức	25D160010	K61F1	6.7	8.5	4.5	8.0	7.0	Đạt
8	11167	Nguyễn Văn	Hiếu	25D160013	K61F1	6.3	8.5	9.0	9.5	9.0	Đạt
9	11168	Phạm Thị	Huê	25D160014	K61F1	6.3	8.5	9.0	9.0	8.8	Đạt
10	11170	Trần Nguyễn Khánh	Huyền	25D160016	K61F1	5.0	9.0	8.0	9.0	8.7	Đạt
11	11171	Hoàng Trung	Kiên	25D160019	K61F1	6.0	8.0	2.0	8.0	6.0	Đạt
12	11172	Lê Hồng	Anh	25D160020	K61F1	6.7	8.0	9.0	9.0	8.7	Đạt
13	11174	Phạm Ngọc Tuyết	Mai	25D160023	K61F1	5.0	7.5	4.0	5.0	5.5	Đạt
14	11175	Nguyễn Hoàng	Nam	25D160026	K61F1	6.7	8.5	6.0	5.5	6.7	Đạt
15	11178	Hoàng Thị Minh	Phương	25D160032	K61F1	5.3	7.0	4.0	8.0	6.3	Đạt
16	11179	Trần Thế	Quang	25D160033	K61F1	7.3	8.0	8.0	8.5	8.2	Đạt
17	11180	Nguyễn Thị Tú	Quyên	25D160034	K61F1	5.7	8.5	5.0	8.0	7.2	Đạt
18	11181	Nguyễn Như	Quỳnh	25D160035	K61F1	6.3	7.5	8.5	9.0	8.3	Đạt
19	11182	Tạ Minh	Son	25D160036	K61F1	6.3	8.0	1.2	8.5	5.9	Đạt
20	11183	Nguyễn Thị	Thảo	25D160037	K61F1	7.7	9.0	8.5	9.0	8.8	Đạt
21	11184	Hoàng Anh	Thư	25D160038	K61F1	5.3	7.0	4.0	5.5	5.5	Đạt
22	11185	Đào Nguyễn Thùy	Trang	25D160039	K61F1	6.3	8.5	8.5	8.5	8.5	Đạt
23	11186	Nguyễn Thu	Trang	25D160040	K61F1	6.3	9.0	8.0	9.0	8.7	Đạt
24	11188	Nguyễn Anh	Tùng	25D160042	K61F1	5.0	4.5	5.5	5.0	5.0	Đạt
25	11189	Hà Yên	Vân	25D160043	K61F1	5.3	8.0	6.5	3.5	6.0	Đạt
26	11190	Nguyễn Hải	Yên	25D160044	K61F1	5.7	7.5	8.5	8.0	8.0	Đạt
27	11191	Trịnh Tâm	An	25D160045	K61F2	6.0	8.0	8.0	8.5	8.2	Đạt
28	11192	Mai Tuấn	Anh	25D160046	K61F2	6.0	8.5	4.5	8.0	7.0	Đạt
29	11194	Bùi Xuân	Bắc	25D160049	K61F2	5.3	8.5	9.0	9.0	8.8	Đạt
30	11195	Đình Quỳnh	Chi	25D160050	K61F2	6.0	9.0	9.5	9.0	9.2	Đạt
31	11197	Diêm Đức	Dũng	25D160052	K61F2	5.3	7.5	7.0	7.5	7.3	Đạt
32	11198	Trịnh Tiến	Đạt	25D160054	K61F2	5.3	8.0	7.5	7.5	7.7	Đạt
33	11199	Nguyễn Văn	Đức	25D160055	K61F2	7.7	8.5	8.5	8.5	8.5	Đạt
34	11200	Nguyễn Thị Hương	Giang	25D160056	K61F2	5.0	9.0	7.5	9.5	8.7	Đạt
35	11201	Nguyễn Ngọc	Hải	25D160057	K61F2	5.3	7.5	1.2	8.0	5.6	Đạt
36	11202	Lê Minh	Hoàng	25D160058	K61F2	6.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Đạt
37	11203	Trần Đức	Hùng	25D160059	K61F2	7.3	7.5	7.0	7.5	7.3	Đạt
38	11204	Nguyễn Gia	Huy	25D160060	K61F2	6.3	7.5	4.0	7.0	6.2	Đạt
39	11206	Hoàng Minh	Khải	25D160062	K61F2	7.0	8.5	4.5	8.0	7.0	Đạt
40	11207	Lê Huy	Khôi	25D160063	K61F2	6.7	8.5	4.5	8.0	7.0	Đạt
41	11208	Dương Ngọc	Lan	25D160064	K61F2	6.3	9.0	8.5	9.5	9.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm lý thuyết	Điểm thực hành				Kết quả
						Word	Excel	Power Point	TB thực hành	
42	11209	Nguyễn Trần Khánh Ly	25D160066	K61F2	7.3	8.0	8.5	8.0	8.2	Đạt
43	11210	Nguyễn Mạnh	25D160067	K61F2	5.3	7.0	4.0	7.5	6.2	Đạt
44	11211	Luu Hải Minh	25D160068	K61F2	5.7	9.5	8.5	9.0	9.0	Đạt
45	11212	Nguyễn Trà My	25D160069	K61F2	5.3	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
46	11213	Phạm Nguyễn Việt Nam	25D160070	K61F2	6.7	9.0	8.5	9.0	8.8	Đạt
47	11214	Trần Hiếu Nghĩa	25D160071	K61F2	5.3	8.0	6.5	9.0	7.8	Đạt
48	11215	Phan Thị Minh Ngọc	25D160072	K61F2	5.7	8.5	8.0	8.0	8.2	Đạt
49	11216	Ngô Minh Nguyệt	25D160073	K61F2	6.7	9.0	7.0	5.5	7.2	Đạt
50	11217	Nguyễn Gia Như	25D160075	K61F2	5.7	7.5	4.0	8.0	6.5	Đạt
51	11218	Nguyễn Lan Phương	25D160076	K61F2	7.3	8.0	4.0	9.0	7.0	Đạt
52	11219	Đặng Trọng Chiến	25D160077	K61F2	5.3	7.5	7.0	8.0	7.5	Đạt
53	11220	Đỗ Như Quỳnh	25D160078	K61F2	6.0	9.0	7.0	9.0	8.3	Đạt
54	11221	Triệu Như Quỳnh	25D160079	K61F2	6.7	7.5	6.0	9.0	7.5	Đạt
55	11222	Vũ Minh Sơn	25D160080	K61F2	7.0	8.0	4.5	8.5	7.0	Đạt
56	11223	Bùi Quang Thiện	25D160081	K61F2	5.3	8.0	5.0	9.0	7.3	Đạt
57	11224	Đồng Huyền Trang	25D160083	K61F2	5.0	6.5	8.5	8.0	7.7	Đạt
58	11225	Trần Nguyễn Huyền Trang	25D160084	K61F2	6.7	8.5	8.0	9.0	8.5	Đạt
59	11226	Đào Thanh Trúc	25D160085	K61F2	5.3	8.5	6.0	1.2	5.2	Đạt
60	11227	Hồ Ngọc Bảo Vi	25D160086	K61F2	5.3	8.5	3.5	7.0	6.3	Đạt
61	11228	Phùng Mạnh Tường	25D160087	K61F2	8.0	8.0	8.5	8.5	8.3	Đạt
62	11229	Đào Kiều Vi Anh	25D160088	K61F3	5.3	8.5	4.0	8.0	6.8	Đạt
63	11230	Nguyễn Gia Anh	25D160089	K61F3	7.3	8.0	4.5	8.0	6.8	Đạt
64	11231	Nguyễn Phương Anh	25D160090	K61F3	5.0	7.5	6.0	7.5	7.0	Đạt
65	11232	Nguyễn Thị Minh Ánh	25D160091	K61F3	5.3	8.5	8.0	8.5	8.3	Đạt
66	11233	Nguyễn Ngọc Bình	25D160092	K61F3	6.3	8.5	7.0	8.0	7.8	Đạt
67	11234	Trần Thị Ngọc Chi	25D160093	K61F3	7.0	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
68	11236	Hoàng Minh Đức	25D160097	K61F3	6.7	7.0	7.0	9.0	7.7	Đạt
69	11237	Nguyễn Vũ Minh Đức	25D160098	K61F3	6.0	7.0	6.5	8.5	7.3	Đạt
70	11238	Cao Nguyên Giáp	25D160099	K61F3	5.7	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
71	11239	Nguyễn Vũ Anh Hào	25D160100	K61F3	6.7	9.0	8.5	8.5	8.7	Đạt
72	11240	Nguyễn Huy Hoàng	25D160101	K61F3	5.7	8.5	7.0	7.0	7.5	Đạt
73	11241	Giang Việt Huy	25D160102	K61F3	7.3	8.5	9.0	9.0	8.8	Đạt
74	11242	Nguyễn Lê Huy	25D160103	K61F3	8.0	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
75	11243	Trần Thị Hương	25D160104	K61F3	6.7	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
76	11244	Phạm Đình Khánh	25D160105	K61F3	6.3	8.0	4.0	7.5	6.5	Đạt
77	11245	Trần Anh Khôi	25D160106	K61F3	7.7	7.5	4.0	8.0	6.5	Đạt
78	11247	Nguyễn Trang Trúc Linh	25D160108	K61F3	5.3	7.5	3.0	8.5	6.3	Đạt
79	11248	Lê Quỳnh Mai	25D160109	K61F3	5.0	8.5	4.0	8.5	7.0	Đạt
80	11249	Bùi Ngọc Minh	25D160110	K61F3	5.3	7.5	7.0	8.0	7.5	Đạt
81	11250	Nguyễn Bình Minh	25D160111	K61F3	5.3	8.5	6.5	9.0	8.0	Đạt
82	11252	Phạm Nhật Nam	25D160113	K61F3	5.7	7.5	7.5	8.5	7.8	Đạt
83	11253	Lê Nguyễn Phương Nhi	25D160116	K61F3	7.0	8.5	6.5	8.5	7.8	Đạt
84	11254	Vi Nguyễn Thảo Nhi	25D160117	K61F3	6.7	8.5	6.0	9.0	7.8	Đạt
85	11255	Nguyễn Thiên Phát	25D160118	K61F3	6.7	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
86	11256	Nguyễn Minh Quân	25D160120	K61F3	6.3	8.0	8.0	9.0	8.3	Đạt
87	11257	Hoàng Thị Như Quỳnh	25D160121	K61F3	6.3	8.0	8.5	8.5	8.3	Đạt
88	11258	Nguyễn Đức Thành	25D160123	K61F3	5.3	8.5	7.0	9.0	8.2	Đạt
89	11259	Nguyễn Minh Thùy	25D160124	K61F3	5.0	8.0	4.0	9.0	7.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Điểm lý thuyết	Điểm thực hành				Kết quả
							Word	Excel	Power Point	TB thực hành	
90	11260	Nguyễn Thanh	Thư	25D160125	K61F3	7.3	8.5	6.0	8.0	7.5	Đạt
91	11263	Lương Mạnh	Tuấn	25D160129	K61F3	6.0	8.5	7.0	8.5	8.0	Đạt
92	11265	Lê Kim	Anh	25D160131	K61F4	6.3	6.0	3.0	8.5	5.8	Đạt
93	11266	Trần Đức	Anh	25D160133	K61F4	5.3	7.0	7.0	9.0	7.7	Đạt
94	11267	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	25D160134	K61F4	5.0	7.5	8.5	8.0	8.0	Đạt
95	11268	Phạm Công	Chiến	25D160135	K61F4	6.0	8.5	7.5	9.0	8.3	Đạt
96	11269	Nguyễn Việt	Cường	25D160136	K61F4	5.3	8.5	3.0	8.5	6.7	Đạt
97	11270	Nguyễn Hạnh	Dung	25D160137	K61F4	6.3	8.5	6.0	7.5	7.3	Đạt
98	11271	Vũ Trung	Dũng	25D160138	K61F4	6.7	8.5	8.0	8.5	8.3	Đạt
99	11272	Lê Thảo	Đan	25D160139	K61F4	7.3	8.5	8.0	8.5	8.3	Đạt
100	11273	Phạm Chí	Đức	25D160141	K61F4	6.0	7.0	7.0	7.5	7.2	Đạt
101	11274	Hoàng Thanh	Hà	25D160142	K61F4	7.3	9.0	8.0	9.0	8.7	Đạt
102	11275	Nguyễn Minh	Hằng	25D160143	K61F4	7.0	8.5	7.5	8.0	8.0	Đạt
103	11276	Nguyễn Việt	Hoàng	25D160144	K61F4	6.3	7.0	7.5	9.0	7.8	Đạt
104	11277	Hoàng Đức	Huy	25D160145	K61F4	5.0	8.0	5.0	8.5	7.2	Đạt
105	11278	Nguyễn Đức	Hương	25D160147	K61F4	6.7	8.0	7.5	9.0	8.2	Đạt
106	11280	Mai Đức	Khuê	25D160149	K61F4	5.7	8.0	6.5	4.0	6.2	Đạt
107	11282	Phạm Bảo	Linh	25D160151	K61F4	7.3	8.5	7.5	8.5	8.2	Đạt
108	11283	Luyện Thanh	Mai	25D160152	K61F4	8.3	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
109	11286	Trần Hạo	Nam	25D160156	K61F4	8.0	8.0	9.0	9.0	8.7	Đạt
110	11287	Lê Thị Minh	Ngọc	25D160157	K61F4	6.0	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
111	11288	Vũ Minh	Ngọc	25D160158	K61F4	5.3	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
112	11289	Vương Yến	Nhi	25D160160	K61F4	5.7	8.5	8.5	8.5	8.5	Đạt
113	11290	Trần Đức	Phúc	25D160161	K61F4	7.3	8.5	8.5	9.0	8.7	Đạt
114	11291	Trần Huy	Quang	25D160162	K61F4	6.0	8.5	8.5	6.0	7.7	Đạt
115	11292	Nguyễn Thị Tú	Quyên	25D160163	K61F4	5.7	8.0	8.0	8.5	8.2	Đạt
116	11293	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	25D160164	K61F4	6.7	8.5	8.0	8.5	8.3	Đạt
117	11294	Nguyễn Quang Hoàng	Son	25D160165	K61F4	7.3	8.0	7.0	7.5	7.5	Đạt
118	11295	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25D160166	K61F4	6.3	7.0	7.5	9.0	7.8	Đạt
119	11296	Lê Thanh	Thúy	25D160167	K61F4	5.3	7.5	6.5	6.5	6.8	Đạt
120	11297	Vũ Hương	Trà	25D160168	K61F4	5.3	8.0	5.0	7.0	6.7	Đạt
121	11298	Lê Huyền	Trang	25D160169	K61F4	7.3	9.0	8.5	9.0	8.8	Đạt
122	11300	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	25D160171	K61F4	5.7	7.5	3.0	7.5	6.0	Đạt
123	11301	Dương Thị Phương	Uyên	25D160172	K61F4	5.7	8.0	7.5	7.5	7.7	Đạt
124	11302	Hoàng Thị Hải	Yến	25D160173	K61F4	5.3	7.0	6.0	6.5	6.5	Đạt
125	11303	Hoàng Bảo	An	25D161001	K61FII1	6.0	7.0	7.0	6.5	6.8	Đạt
126	11304	Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	25D161004	K61FII1	7.7	5.0	7.0	7.5	6.5	Đạt
127	11305	Nguyễn Thị Hiền	Anh	25D161005	K61FII1	7.0	6.0	7.0	7.5	6.8	Đạt
128	11306	Trần Nguyễn Bảo	Anh	25D161006	K61FII1	6.0	6.5	2.5	7.5	5.5	Đạt
129	11307	Vũ Thị Nguyệt	Ánh	25D161007	K61FII1	6.0	8.5	6.0	7.5	7.3	Đạt
130	11308	Lê Anh	Bình	25D161008	K61FII1	6.7	7.5	7.5	8.0	7.7	Đạt
131	11311	Nguyễn Hoàng	Duy	25D161012	K61FII1	5.3	7.0	5.0	8.5	6.8	Đạt
132	11312	Vũ Hải	Đặng	25D161014	K61FII1	5.3	6.5	6.5	7.5	6.8	Đạt
133	11314	Hoàng An	Hung	25D161018	K61FII1	5.0	6.5	7.0	7.5	7.0	Đạt
134	11315	Đông Thị Thu	Hương	25D161019	K61FII1	6.0	6.5	7.0	8.5	7.3	Đạt
135	11316	Phạm Gia	Khánh	25D161020	K61FII1	5.3	6.5	7.5	8.5	7.5	Đạt
136	11317	Nguyễn Hoàng	Lan	25D161021	K61FII1	7.0	7.0	8.0	8.5	7.8	Đạt
137	11318	Nguyễn Khánh	Linh	25D161022	K61FII1	5.7	7.5	7.0	8.0	7.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Điểm lý thuyết	Điểm thực hành				Kết quả
							Word	Excel	Power Point	TB thực hành	
138	11319	Nguyễn Huy	Long	25D161023	K61FII1	5.0	7.5	7.0	8.5	7.7	Đạt
139	11320	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	25D161024	K61FII1	6.3	8.0	7.0	7.5	7.5	Đạt
140	11322	Nguyễn Trà	My	25D161026	K61FII1	5.0	8.0	7.5	8.5	8.0	Đạt
141	11324	Phạm Khôi	Nguyễn	25D161029	K61FII1	5.3	5.0	5.0	7.0	5.7	Đạt
142	11325	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25D161030	K61FII1	5.0	7.0	5.0	6.0	6.0	Đạt
143	11327	Phạm Thanh	Phong	25D161032	K61FII1	5.7	9.0	6.0	6.5	7.2	Đạt
144	11329	Hoàng Đức	Thành	25D161036	K61FII1	6.3	9.0	7.0	7.5	7.8	Đạt
145	11330	Đậu Thị Thanh	Thảo	25D161037	K61FII1	5.3	3.0	7.0	7.0	5.7	Đạt
146	11331	Phạm Đăng Duy	Thắng	25D161038	K61FII1	5.0	6.0	6.0	3.0	5.0	Đạt
147	11332	Nguyễn Hoàng Diệp	Thúy	25D161039	K61FII1	7.7	6.5	5.0	6.5	6.0	Đạt
148	11333	Nguyễn Yến	Trang	25D161041	K61FII1	5.7	9.5	3.5	2.0	5.0	Đạt
149	11334	Võ Ngọc Cẩm	Tú	25D161042	K61FII1	5.3	9.0	5.5	7.5	7.3	Đạt
150	11339	Trần Phương Mai	Anh	25D161050	K61FII2	8.7	8.0	5.0	8.0	7.0	Đạt
151	11340	Đỗ Hữu Gia	Bào	25D161051	K61FII2	6.7	5.5	5.0	7.5	6.0	Đạt
152	11342	Ngô Triệu Tùng	Chi	25D161053	K61FII2	5.7	7.0	5.5	6.0	6.2	Đạt
153	11344	Nguyễn Tiến	Dũng	25D161055	K61FII2	7.0	9.0	5.0	6.0	6.7	Đạt
154	11348	Trần Nguyễn Gia	Hân	25D161059	K61FII2	5.7	8.5	5.0	7.0	6.8	Đạt
155	11349	Nguyễn	Hoàng	25D161061	K61FII2	5.3	6.5	3.5	5.0	5.0	Đạt
156	11350	Nguyễn Hoàng Tiến	Kha	25D161063	K61FII2	6.0	8.5	6.5	7.0	7.3	Đạt
157	11351	Nguyễn Đình	Khôi	25D161064	K61FII2	6.3	7.0	2.5	6.5	5.3	Đạt
158	11353	Phạm Thị Mai	Linh	25D161066	K61FII2	5.0	9.0	5.0	9.0	7.7	Đạt
159	11354	Nguyễn Quang	Minh	25D161069	K61FII2	5.3	8.0	2.5	7.0	5.8	Đạt
160	11355	Lã Khoa	Nam	25D161070	K61FII2	5.3	9.0	5.5	7.5	7.3	Đạt
161	11356	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	25D161072	K61FII2	7.0	6.5	6.5	7.5	6.8	Đạt
162	11358	Nguyễn Trang	Nhung	25D161074	K61FII2	6.0	8.5	1.5	7.0	5.7	Đạt
163	11360	Trần Nguyễn	Phúc	25D161076	K61FII2	7.7	9.0	3.5	7.5	6.7	Đạt
164	11361	Nguyễn Bảo	Phương	25D161077	K61FII2	5.3	7.0	2.5	5.5	5.0	Đạt
165	11362	Võ Đặng Anh	Quân	25D161078	K61FII2	7.3	7.0	3.5	8.5	6.3	Đạt
166	11363	Nguyễn Thanh	Tâm	25D161079	K61FII2	5.3	8.5	5.0	7.5	7.0	Đạt
167	11364	Nguyễn Ngọc	Thành	25D161080	K61FII2	7.0	9.0	6.0	7.0	7.3	Đạt
168	11365	Lê Ngọc Hương	Thảo	25D161081	K61FII2	6.3	6.5	6.0	9.0	7.2	Đạt
169	11366	Vũ Hoàng	Thiện	25D161082	K61FII2	8.0	8.0	7.5	8.5	8.0	Đạt
170	11368	Đào Mai	Trang	25D161084	K61FII2	5.7	8.5	5.0	9.0	7.5	Đạt
171	11369	Phan Thị Ngọc	Trang	25D161085	K61FII2	7.7	9.0	3.5	8.5	7.0	Đạt
172	11370	Đỗ Minh	Tuệ	25D161086	K61FII2	6.3	9.0	3.0	8.0	6.7	Đạt
173	11371	Nguyễn Đức	Việt	25D161087	K61FII2	6.7	6.0	5.5	7.0	6.2	Đạt
174	11372	Hoàng Hải	Yến	25D161088	K61FII2	6.3	7.0	3.0	7.0	5.7	Đạt
175	11373	Hoàng Công Việt	Anh	25D161090	K61FII3	5.3	8.0	6.0	6.5	6.8	Đạt
176	11376	Lê Doãn Gia	Bào	25D161095	K61FII3	6.0	8.5	6.0	7.0	7.2	Đạt
177	11377	Vũ	Bình	25D161096	K61FII3	5.3	7.0	3.5	7.5	6.0	Đạt
178	11378	Trần Tuấn	Dũng	25D161099	K61FII3	6.7	9.0	3.5	7.0	6.5	Đạt
179	11381	Trần Đức	Hiếu	25D161103	K61FII3	5.3	6.5	3.5	6.0	5.3	Đạt
180	11382	Bùi Minh	Hoàng	25D161104	K61FII3	7.3	6.0	7.0	8.0	7.0	Đạt
181	11383	Vũ Lưu Đăng	Hung	25D161106	K61FII3	5.7	7.5	3.0	4.5	5.0	Đạt
182	11384	Mộc Nam	Khánh	25D161107	K61FII3	6.0	8.0	3.0	6.0	5.7	Đạt
183	11385	Nguyễn Khánh	Linh	25D161109	K61FII3	5.7	6.5	3.0	8.5	6.0	Đạt
184	11386	Phạm Thùy	Linh	25D161110	K61FII3	5.3	6.5	6.0	8.0	6.8	Đạt
185	11389	Vũ Trường	Minh	25D161113	K61FII3	6.3	6.5	6.5	8.0	7.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Điểm lý thuyết	Điểm thực hành				Kết quả
							Word	Excel	Power Point	TB thực hành	
186	11390	Nguyễn Tôn Hoàng	Nam	25D161114	K61FII3	7.0	7.5	3.5	6.0	5.7	Đạt
187	11391	Nguyễn Diệu	Ngân	25D161115	K61FII3	5.0	6.0	6.0	6.5	6.2	Đạt
188	11392	Vũ Minh	Ngọc	25D161116	K61FII3	6.3	9.0	5.5	1.2	5.2	Đạt
189	11393	Lê Thị Đan	Nhi	25D161117	K61FII3	5.7	6.5	6.0	7.0	6.5	Đạt
190	11396	Dương Minh	Phương	25D161120	K61FII3	6.0	8.0	6.0	7.5	7.2	Đạt
191	11398	Vũ Minh	Thành	25D161123	K61FII3	6.0	5.5	5.0	5.0	5.2	Đạt
192	11399	Trịnh Phương	Thào	25D161124	K61FII3	7.3	8.5	5.0	9.0	7.5	Đạt
193	11400	Nguyễn Vũ Anh	Thư	25D161126	K61FII3	5.3	9.0	6.0	7.5	7.5	Đạt
194	11401	Nguyễn Quang	Trung	25D161128	K61FII3	6.0	5.5	5.0	7.0	5.8	Đạt
195	11402	Phí Đức Tuấn	Tú	25D161129	K61FII3	5.3	6.0	6.0	6.0	6.0	Đạt
196	11404	Trương Hoàng	Việt	25D161131	K61FII3	7.7	8.0	6.0	8.0	7.3	Đạt
197	11405	Cần Trung	Hải	25D161132	K61FII3	5.7	8.0	3.5	8.0	6.5	Đạt

KT. HIỆU TRƯỞNG ^{HT}
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 GS, TS Nguyễn Hoàng Việt